

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2021

“V/v chị T xin ly hôn với anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Thường.
2. Ông Hoàng Quốc Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 3, ngõ 73 đường N, phường T, Thành phố Nam Định.

- Bị đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị T và anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 14-12-2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 15-02-2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn với nhau thì vợ chồng chị chung sống cùng với mẹ đẻ của anh T ở thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 9 năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T làm nghề lái xe, đi làm ăn xa trong thời gian dài, không chịu về nhà. Chị có gọi điện bảo anh T về quê để làm ăn nhưng anh T không đồng ý, vẫn đi làm xa không về nhà. Vợ chồng lấy nhau nhưng mỗi người một nơi, tiền ai người đấy giữ, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Từ tháng 9-2017, chị đã thuê nhà sống một mình ở thành phố Nam Định. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 9-2017 cho đến nay, chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và ngày càng có khoảng cách. Hơn nữa, vợ chồng kết hôn đã lâu mà không có con chung, lại càng không có sự ràng buộc gì với nhau, sống không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, bản thân chị không còn tình cảm gì với anh T nữa nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn T.

- Về con chung, về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh T không có gì vì vậy chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Mai Văn T đến để làm việc và tham gia phiên hoà giải nhưng anh T cố tình vắng mặt, không đến Tòa án để làm việc; không tham gia phiên hòa giải đồng thời không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì cho Tòa án.

* Tại biên bản lấy lời khai bà Phạm Thị V (Là mẹ đẻ của anh Mai Văn T) thể hiện: Hiện nay anh T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú ở xã H, huyện V, tỉnh Nam Định, không cắt, chuyển hộ khẩu đi đâu, cũng không đăng ký tạm trú ở đâu. Do điều kiện công việc là lái xe nên anh T không có mặt ở nhà nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án thì bà đã thông báo lại cho anh T được biết. Nhưng do anh T không đồng ý ly hôn nên đã không đến Tòa án để làm việc.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 29-01-2021, Ủy ban nhân dân xã H cung cấp: Chị Phạm Thị T và anh Mai Văn T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết

hôn với nhau thì chị T, anh T sinh sống cùng với mẹ đẻ của anh T ở thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. Anh T hiện nay có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H và không cắt, chuyển hộ khẩu đi đâu cũng không đăng ký tạm trú ở đâu. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh T cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ, chỉ thấy từ khoảng cuối năm 2017 cho đến nay thì chị T không còn sinh sống cùng với gia đình anh T ở thôn N nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh T đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các Đương sự.

- Về các yêu cầu khởi kiện của Đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T; cụ thể.

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Mai Văn T.

- + Về con chung, về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- + Về án phí ly hôn: Buộc chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là anh Mai Văn T đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Còn nguyên đơn là chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của chị T và anh T theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau thì giữa chị T và anh T đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai bên không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, không nhường nhịn lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công

việc trong gia đình vv... Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và kiên quyết xin ly hôn anh T. Về phía anh T mặc dù đã biết Tòa án thụ lý, giải quyết việc chị T xin ly hôn với anh nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ anh T có thái độ bỏ mặc, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, chị T và anh T đang sống ly thân với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị T được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung, về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Mai Văn T.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002068 ngày 22-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiến